

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LỚP 9 LẦN 1 NĂM HỌC 2025 - 2026

Toàn khối

Môn	Tổng số HS	PHỔ ĐIỂM																				Điểm TB				
		Điểm 0		$\geq 0 + < 1$		$\geq 1 + < 2$		$\geq 2 + < 3$		$\geq 3 + < 4$		$\geq 4 + < 5$		$\geq 5 + < 6$		$\geq 6 + < 7$		$\geq 7 + < 8$		$\geq 8 + < 9$			$\geq 9 + < = 10$		Điểm 10	
		SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ		SL	Ti lệ	SL	Ti lệ
Ngữ văn	87	0	0	1	1.15	1	1.15	5	5.75	10	11.5	6	6.9	16	18.4	14	16.1	18	20.7	16	18.4	0	0	0	0	5,86
Toán	87	0	0	4	4.6	7	8.05	9	10.3	12	13.8	9	10.3	20	23	12	13.8	9	10.3	4	4.6	1	1.15	0	0	4,66
KHTN	87	0	0	0	0	0	0	5	5.75	15	17.2	13	14.9	19	21.8	13	14.9	12	13.8	6	6.9	4	4.6	1	1.15	5,51
Tổng	261	0	0	5	5.75	8	9.2	19	21.8	37	42.5	28	32.2	55	63.2	39	44.8	39	44.8	26	29.9	5	5.75	1	1.15	0

Lớp 9A

Môn	Tổng số HS	PHỔ ĐIỂM																				Điểm TB				
		Điểm 0		$\geq 0 + < 1$		$\geq 1 + < 2$		$\geq 2 + < 3$		$\geq 3 + < 4$		$\geq 4 + < 5$		$\geq 5 + < 6$		$\geq 6 + < 7$		$\geq 7 + < 8$		$\geq 8 + < 9$			$\geq 9 + < = 10$		Điểm 10	
		SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ		SL	Ti lệ	SL	Ti lệ
Ngữ văn	44	0	0	1	2.27	1	2.27	2	4.55	5	11.4	3	6.82	8	18.2	6	13.6	10	22.7	8	18.2	0	0	0	0	5,84
Toán	44	0	0	1	2.27	4	9.09	3	6.82	8	18.2	5	11.4	10	22.7	6	13.6	4	9.09	2	4.55	1	2.27	0	0	4,74
KHTN	44	0	0	0	0	0	0	2	4.55	5	11.4	10	22.7	13	29.5	7	15.9	3	6.82	2	4.55	2	4.55	1	2.27	5,33

Lớp 9B

Môn	Tổng số HS	PHỔ ĐIỂM																				Điểm TB				
		Điểm 0		$\geq 0 + < 1$		$\geq 1 + < 2$		$\geq 2 + < 3$		$\geq 3 + < 4$		$\geq 4 + < 5$		$\geq 5 + < 6$		$\geq 6 + < 7$		$\geq 7 + < 8$		$\geq 8 + < 9$			$\geq 9 + < = 10$		Điểm 10	
		SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ		SL	Ti lệ	SL	Ti lệ
Ngữ văn	43	0	0	0	0	0	0	3	6.98	5	11.6	3	6.98	8	18.6	8	18.6	8	18.6	8	18.6	0	0	0	0	5,89
Toán	43	0	0	3	6.98	3	6.98	6	14	4	9.3	4	9.3	10	23.3	6	14	5	11.6	2	4.65	0	0	0	0	4,57
KHTN	43	0	0	0	0	0	0	3	6.98	10	23.3	3	6.98	6	14	6	14	9	20.9	4	9.3	2	4.65	0	0	5,69

P. Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Dung

BẢNG ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9A LẦN 1
Năm học 2025 - 2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Lớp	Toán	Văn	KHTN	Ghi chú
1	90002	Bùi Thu An	04/04/2011	9A	7	8.8	5.25	
2	90003	Đình Bảo An	02/12/2011	9A	5.25	8.3	4.25	
3	90004	Đỗ Hải Anh	21/03/2011	9A	3.5	5	4	
4	90005	Lê Việt Anh	14/10/2011	9A	5.5	7	5.75	
5	90006	Nguyễn Phương Anh	10/07/2011	9A	6.75	6.25	5	
6	90008	Nguyễn Trường Anh	03/11/2011	9A	7.5	7.75	6.5	
7	90009	Nguyễn Tuấn Anh	03/02/2011	9A	6	7	6.5	
8	90010	Phạm Quỳnh Anh	09/07/2011	9A	8.5	7	6.75	
9	90011	Vũ Hoàng Anh	18/10/2011	9A	5.5	5	5.25	
10	90015	Đình Trần Gia Bảo	22/09/2011	9A	5	7.75	7.25	
11	90016	Trần Ngọc Bích	09/11/2011	9A	8	8	9	
12	90019	Đào Tân Dũng	22/10/2011	9A	5.75	7	4	
13	90022	Nguyễn Thành Duy	28/06/2011	9A	0.75	1	3	
14	90023	Phạm Linh Đan	23/04/2011	9A	5	6.25	4	
15	90025	Vũ Trọng Đức	19/11/2011	9A	1.75	2.75	4.25	
16	90028	Trần Hồng Hạnh	10/10/2011	9A	3.5	3.75	5	
17	90032	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu	08/01/2011	9A	5	6.75	5	
18	90034	Điền Thu Hoài	25/05/2011	9A	5.5	6.5	4.5	
19	90035	Tạ Ngọc Hoàn	05/12/2011	9A	2.75	5	3.25	
20	90040	Ninh Thu Hương	06/11/2011	9A	3.5	3.5	5	
21	90041	Hoàng Văn Khánh	05/05/2011	9A	9	8.5	10	
22	90042	Nguyễn Đăng Khôi	19/08/2011	9A	2.5	5	3.25	
23	90043	Nguyễn Minh Khôi	09/04/2011	9A	6	4.5	4.75	
24	90044	Đình Diệu Linh	10/04/2011	9A	4.75	7	6	
25	90045	Nguyễn Diệu Linh	01/12/2011	9A	4.25	4.5	4	
26	90046	Nguyễn Ngọc Linh	17/06/2011	9A	5.75	5	5.5	
27	90055	Nguyễn Chính Nghĩa	01/06/2011	9A	4.75	3.75	2.75	
28	90057	Trần Trọng Nghĩa	21/10/2011	9A	3.5	5	5	
29	90058	Hồ Hoàng Ngọc	25/08/2011	9A	4.5	5	5.5	
30	90059	Trần Bảo Ngọc	10/08/2011	9A	7.75	8.25	5.5	
31	90060	Trần Minh Ngọc	22/03/2011	9A	7	8.25	7	
32	90061	Vũ Bảo Ngọc	23/05/2011	9A	6.5	7.5	6	
33	90063	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/02/2011	9A	6	7.75	8.25	
34	90065	Hoàng Trung Phong	17/04/2011	9A	3	2.5	3.5	
35	90067	Nguyễn Vĩnh Phú	01/06/2011	9A	1.25	4.5	3.5	
36	90068	Ninh Vĩnh Phú	08/11/2011	9A	3.25	3.5	2.75	
37	90071	Phạm Mai Phương	14/03/2011	9A	6.25	7.5	8.25	
38	90072	Phạm T. Thu Phương	19/07/2011	9A	3.75	6.75	5.75	
39	90078	Phạm Thị Thanh Thảo	04/09/2011	9A	4.25	8	6.75	
40	90081	Trần Ngọc Tiến	17/04/2011	9A	2	6.25	6.25	
41	90082	Bùi Huyền Trang	01/10/2011	9A	5.25	8	7.25	
42	90083	Đỗ Thị Huyền Trang	28/02/2011	9A	3.5	5.75	4.5	
43	90085	Bùi Anh Tuấn	26/01/2011	9A	1	3.5	5.25	
44	90087	Vũ Minh Tuyền	05/08/2011	9A	1	0.5	4	
Điểm trung bình					4.744318	5.843182	5.335227	

BẢNG ĐIỂM KHẢO SÁT LỚP 9B LẦN 1
Năm học 2025 - 2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Lớp	Toán	Văn	KHTN	Ghi chú
1	90001	Bùi Bảo An	28/06/2011	9B	8	8.5	9	
2	90007	Nguyễn Phương Anh	30/01/2011	9B	8.5	8	8.5	
3	90012	Vũ Hoàng Anh	22/02/2011	9B	0.75	3	3.5	
4	90013	Trình Thị Ngọc Anh	07/06/2011	9B	5.5	5.5	3.75	
5	90014	Phạm Xuân Bách	22/03/2011	9B	4.75	7.5	7.5	
6	90017	Phạm Thanh Cao	09/05/2011	9B	3.75	4.5	4.25	
7	90018	Hoàng Ngọc Diệp	12/10/2011	9B	1.25	5.3	3.75	
8	90020	Nguyễn Tiến Dũng	03/03/2011	9B	6.25	8.5	7	
9	90021	Nguyễn Phạm Duy	19/10/2011	9B	5.75	8	7	
10	90024	Nguyễn Văn Đức	16/12/2011	9B	1.25	3.75	2.75	
11	90026	Phạm Hồng Hà	24/06/2011	9B	2.25	6	3.25	
12	90027	Đỗ Thanh Hải	29/09/2011	9B	2.75	6	4.5	
13	90029	Lưu Quốc Hào	14/12/2011	9B	5	6.25	5	
14	90030	Tạ Thị Minh Hằng	17/04/2011	9B	2.5	5.25	2.75	
15	90031	Vũ Thị Thanh Hiền	30/07/2011	9B	6.5	6	5.5	
16	90033	Phạm Trung Hiếu	22/10/2011	9B	2.5	2.25	3.5	
17	90036	Lê Quang Huy	22/02/2011	9B	3.5	4.25	2	
18	90037	Nguyễn Tiến Huy	10/08/2011	9B	6.25	5	3.75	
19	90038	Vũ Đức Gia Huy	06/09/2011	9B	7	7.25	8.5	
20	90039	Vũ Thái Hưng	27/07/2011	9B	7.25	7.5	6.5	
21	90047	Phạm Khánh Linh	31/10/2011	9B	5	6.25	7.75	
22	90048	Cao Phi Long	22/05/2011	9B	7.25	7.5	9.25	
23	90049	Vũ Đức Mạnh	21/05/2011	9B	4	4	5	
24	90050	Bùi Khánh My	14/11/2011	9B	5.75	7.25	7.75	
25	90051	Nguyễn Thị Trà My	01/11/2011	9B	6.5	7.25	5.75	
26	90052	Vũ Hà My	19/02/2011	9B	6.25	8	6.75	
27	90053	Sài Thanh Nga	30/03/2011	9B	7	7.75	8.25	
28	90054	Đỗ Minh Nga	03/03/2011	9B	0.25	2.75	3	
29	90056	Nguyễn Hiếu Nghĩa	31/07/2011	9B	4.5	5.75	7.75	
30	90062	Phạm Xuân Minh Nguyệt	19/10/2011	9B	5.75	8.25	6.5	
31	90064	Nguyễn Yên Nhi	15/04/2011	9B	7.5	8	6.75	
32	90066	Phạm Ngọc Gia Phong	05/06/2011	9B	3.25	3	3.25	
33	90069	Lê Quý Phương	25/10/2011	9B	4.25	3.75	3.5	
34	90070	Nguyễn Minh Phương	16/01/2011	9B	2.5	5	4.25	
35	90073	Mai Đức Quang	31/08/2011	9B	1.75	6.25	6.75	
36	90074	Bùi Bảo Tâm	03/12/2011	9B	3.5	6.25	5.75	
37	90075	Nguyễn Sinh Thạch	21/03/2011	9B	0.75	5	3.25	
38	90076	Nguyễn Duy Thái	15/06/2011	9B	2.75	2.75	5.75	
39	90077	Phạm Minh Thành	16/09/2011	9B	5.25	3.25	7	
40	90079	Nguyễn Minh Thư	18/08/2011	9B	5.25	6.5	6	
41	90080	Tạ Hoài Thương	18/10/2011	9B				
42	90084	Phạm Anh Tú	02/01/2011	9B	5.25	5.25	8	
43	90086	Nguyễn Mạnh Thái Tuấn	20/09/2011	9B	6.25	7.25	7	
44	90088	Trình Trần Phi Yên	12/03/2011	9B	5	8	7.75	
Điểm trung bình					4.575581	5.890698	5.697674	

5
15
13
19
0

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Lớp	Toán	Văn	KHTN	Ghi chú
1	90001	Bùi Bảo An	28/06/2011	9B	8	8.5	9	
2	90002	Bùi Thu An	04/04/2011	9A	7	8.75	5.25	
3	90003	Đình Bảo An	02/12/2011	9A	5.25	8.25	4.25	
4	90004	Đỗ Hải Anh	21/03/2011	9A	3.5	5	4	
5	90005	Lê Việt Anh	14/10/2011	9A	5.5	7	5.75	
6	90006	Nguyễn Phương Anh	10/07/2011	9A	6.75	6.25	5	
7	90007	Nguyễn Phương Anh	30/01/2011	9B	8.5	8	8.5	
8	90008	Nguyễn Trường Anh	03/11/2011	9A	7.5	7.75	6.5	
9	90009	Nguyễn Tuấn Anh	03/02/2011	9A	6	7	6.5	
10	90010	Phạm Quỳnh Anh	09/07/2011	9A	8.5	7	6.75	
11	90011	Vũ Hoàng Anh	18/10/2011	9A	5.5	5	5.25	
12	90012	Vũ Hoàng Anh	22/02/2011	9B	0.75	3	3.5	
13	90013	Trịnh Thị Ngọc Ánh	07/06/2011	9B	5.5	5.5	3.75	
14	90014	Phạm Xuân Bách	22/03/2011	9B	4.75	7.5	7.5	
15	90015	Đình Trần Gia Bảo	22/09/2011	9A	5	7.75	7.25	
16	90016	Trần Ngọc Bích	09/11/2011	9A	8	8	9	
17	90017	Phạm Thanh Cao	09/05/2011	9B	3.75	4.5	4.25	
18	90018	Hoàng Ngọc Diệp	12/10/2011	9B	1.25	5.3	3.75	
19	90019	Đào Tấn Dũng	22/10/2011	9A	5.75	7	4	
20	90020	Nguyễn Tiến Dũng	03/03/2011	9B	6.25	8.5	7	
21	90021	Nguyễn Phạm Duy	19/10/2011	9B	5.75	8	7	
22	90022	Nguyễn Thành Duy	28/06/2011	9A	0.75	1	3	
23	90023	Phạm Linh Đan	23/04/2011	9A	5	6.25	4	
24	90024	Nguyễn Văn Đức	16/12/2011	9B	1.25	3.75	2.75	
25	90025	Vũ Trong Đức	19/11/2011	9A	1.75	2.75	4.25	
26	90026	Phạm Hồng Hà	24/06/2011	9B	2.25	6	3.25	
27	90027	Đỗ Thanh Hải	29/09/2011	9B	2.75	6	4.5	
28	90028	Trần Hồng Hạnh	10/10/2011	9A	3.5	3.75	5	
29	90029	Lưu Quốc Hào	14/12/2011	9B	5	6.25	5	
30	90030	Tạ Thị Minh Hằng	17/04/2011	9B	2.5	5.25	2.75	
31	90031	Vũ Thị Thanh Hiền	30/07/2011	9B	6.5	6	5.5	
32	90032	Nguyễn Hoàng Ti Hiếu	08/01/2011	9A	5	6.75	5	
33	90033	Phạm Trung Hiếu	22/10/2011	9B	2.5	2.25	3.5	
34	90034	Điền Thu Hoài	25/05/2011	9A	5.5	6.5	4.5	
35	90035	Tạ Ngọc Hoan	05/12/2011	9A	2.75	5	3.25	
36	90036	Lê Quang Huy	22/02/2011	9B	3.5	4.25	2	
37	90037	Nguyễn Tiến Huy	10/08/2011	9B	6.25	5	3.75	
38	90038	Vũ Đức Gia Huy	06/09/2011	9B	7	7.25	8.5	
39	90039	Vũ Thái Hưng	27/07/2011	9B	7.25	7.5	6.5	
40	90040	Ninh Thu Hương	06/11/2011	9A	3.5	3.5	5	
41	90041	Hoàng Văn Khánh	05/05/2011	9A	9	8.5	10	
42	90042	Nguyễn Đăng Khôi	19/08/2011	9A	2.5	5	3.25	
43	90043	Nguyễn Minh Khôi	09/04/2011	9A	6	4.5	4.75	
44	90044	Đình Diệu Linh	10/04/2011	9A	4.75	7	6	
45	90045	Nguyễn Diệu Linh	01/12/2011	9A	4.25	4.5	4	
46	90046	Nguyễn Ngọc Linh	17/06/2011	9A	5.75	5	5.5	
47	90047	Phạm Khánh Linh	31/10/2011	9B	5	6.25	7.75	
48	90048	Cao Phi Long	22/05/2011	9B	7.25	7.5	9.25	
49	90049	Vũ Đức Mạnh	21/05/2011	9B	4	4	5	
50	90050	Bùi Khánh My	14/11/2011	9B	5.75	7.25	7.75	
51	90051	Nguyễn Thị Trà My	01/11/2011	9B	6.5	7.25	5.75	
52	90052	Vũ Hà My	19/02/2011	9B	6.25	8	6.75	
53	90053	Sái Thanh Nga	30/03/2011	9B	7	7.75	8.25	
54	90054	Đỗ Minh Nga	03/03/2011	9B	0.25	2.75	3	
55	90055	Nguyễn Chính Nghĩa	01/06/2011	9A	4.75	3.75	2.75	
56	90056	Nguyễn Hiếu Nghĩa	31/07/2011	9B	4.5	5.75	7.75	
57	90057	Trần Trọng Nghĩa	21/10/2011	9A	3.5	5	5	
58	90058	Hồ Hoàng Ngọc	25/08/2011	9A	4.5	5	5.5	
59	90059	Trần Bảo Ngọc	10/08/2011	9A	7.75	8.25	5.5	
60	90060	Trần Minh Ngọc	22/03/2011	9A	7	8.25	7	
61	90061	Vũ Bảo Ngọc	23/05/2011	9A	6.5	7.5	6	
62	90062	Phạm Xuân Minh Nguyệt	19/10/2011	9B	5.75	8.25	6.5	
63	90063	Nguyễn Thị Yên Nhi	16/02/2011	9A	6	7.75	8.25	
64	90064	Nguyễn Yên Nhi	15/04/2011	9B	7.5	8	6.75	
65	90065	Hoàng Trung Phong	17/04/2011	9A	3	2.5	3.5	
66	90066	Phạm Ngọc Gia Phong	05/06/2011	9B	3.25	3	3.25	
67	90067	Nguyễn Vĩnh Phú	01/06/2011	9A	1.25	4.5	3.5	
68	90068	Ninh Vĩnh Phú	08/11/2011	9A	3.25	3.5	2.75	
69	90069	Lê Quý Phương	25/10/2011	9B	4.25	3.75	3.5	
70	90070	Nguyễn Minh Phương	16/01/2011	9B	2.5	5	4.25	
71	90071	Phạm Mai Phương	14/03/2011	9A	6.25	7.5	8.25	
72	90072	Phạm T. Thu Phương	19/07/2011	9A	3.75	6.75	5.75	
73	90073	Mai Đức Quang	31/08/2011	9B	1.75	6.25	6.75	
74	90074	Bùi Bảo Tâm	03/12/2011	9B	3.5	6.25	5.75	
75	90075	Nguyễn Sinh Thạch	21/03/2011	9B	0.75	5	3.25	
76	90076	Nguyễn Duy Thái	15/06/2011	9B	2.75	2.75	5.75	
77	90077	Phạm Minh Thành	16/09/2011	9B	5.25	3.25	7	
78	90078	Phạm Thị Thanh Thảo	04/09/2011	9A	4.25	8	6.75	
79	90079	Nguyễn Minh Thư	18/08/2011	9B	5.25	6.5	6	
80	90080	Tạ Hoài Thương	18/10/2011	9B				
81	90081	Trần Ngọc Tiên	17/04/2011	9A	2	6.25	6.25	
82	90082	Bùi Huyền Trang	01/10/2011	9A	5.25	8	7.25	
83	90083	Đỗ Thị Huyền Trang	28/02/2011	9A	3.5	5.75	4.5	
84	90084	Phạm Anh Tú	02/01/2011	9B	5.25	5.25	8	
85	90085	Bùi Anh Tuấn	26/01/2011	9A	1	3.5	5.25	
86	90086	Nguyễn Mạnh Th Tuê	20/09/2011	9B	6.25	7.25	7	
87	90087	Vũ Minh Tuyền	05/08/2011	9A	1	0.5	4	
88	90088	Trịnh Trần Phi Yên	12/03/2011	9B	5	8	7.75	

4.66092 5.865517 5.514368

5
15
13
19
13
12
6
4
0
0
87

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG KS, ĐGCLGD
LẦN THỨ NHẤT NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG THCS QUẢNG SƠN
BẢNG ĐIỂM KHẢO SÁT, ĐGCLGD LỚP 9
 Bài mìn:.....Phòng 01

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Lớp	Toán	Văn	KHTN	Ghi chú
1	90001	Bùi Bảo	An	28/06/2011	9B	8	8,5	9
2	90002	Bùi Thu	An	04/04/2011	9A	7	8,8	5,25
3	90003	Đình Bảo	An	02/12/2011	9A	5,25	8,3	4,25
4	90004	Đỗ Hải	Anh	21/03/2011	9A	3,5	5	4
5	90005	Lê Việt	Anh	14/10/2011	9A	5,5	7	5,75
6	90006	Nguyễn Phương	Anh	10/07/2011	9A	6,75	6,3	5
7	90007	Nguyễn Phương	Anh	30/01/2011	9B	8,5	8	8,5
8	90008	Nguyễn Trường	Anh	03/11/2011	9A	7,5	7,75	6,5
9	90009	Nguyễn Tuấn	Anh	03/02/2011	9A	6	7	6,5
10	90010	Phạm Quỳnh	Anh	09/07/2011	9A	8,5	7	6,75
11	90011	Vũ Hoàng	Anh	18/10/2011	9A	5,5	5	5,25
12	90012	Vũ Hoàng	Anh	22/02/2011	9B	0,75	3	3,5
13	90013	Trình Thị Ngọc	Anh	07/06/2011	9B	5,5	5,5	3,75
14	90014	Phạm Xuân	Bách	23/03/2011	9B	4,75	7,5	7,5
15	90015	Đình Trần Gia	Bảo	23/09/2011	9A	5	7,75	7,25
16	90016	Trần Ngọc	Bích	09/11/2011	9A	8	8	9
17	90017	Phạm Thanh	Cao	09/05/2011	9B	3,75	4,5	4,25
18	90018	Hoàng Ngọc	Diệp	12/10/2011	9B	1,25	5,3	3,75
19	90019	Đào Tấn	Đình	22/10/2011	9A	5,75	7	4
20	90020	Nguyễn Tấn	Đình	03/03/2011	9B	6,25	8,5	7
21	90021	Nguyễn Phạm	Duy	19/10/2011	9B	5,75	8	7
22	90022	Nguyễn Thành	Duy	28/06/2011	9A	0,75	1	3
23	90023	Phạm Linh	Đan	23/04/2011	9A	5	6,3	4
24	90024	Nguyễn Văn	Đức	16/12/2011	9B	1,25	3,75	2,75

Số thí sinh trong phòng khảo sát 24 học sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG KS, ĐGCLGD
LẦN THỨ NHẤT NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG THCS QUẢNG SƠN
BẢNG ĐIỂM KHẢO SÁT, ĐGCLGD LỚP 9
 Bài mìn:.....Phòng 02

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Lớp	Toán	Văn	KHTN	Ghi chú
1	90025	Vũ Trung	Đức	19/11/2011	9A	1,75	2,75	4,25
2	90026	Phạm Hồng	Hà	24/06/2011	9B	2,25	6	3,25
3	90027	Đỗ Thanh	Hải	29/09/2011	9B	2,75	6	4,5
4	90028	Trần Hồng	Hạnh	10/10/2011	9A	3,5	3,75	5
5	90029	Lưu Quốc	Hào	14/12/2011	9B	5	6,25	5
6	90030	Ta Thị Minh	Hằng	17/04/2011	9B	2,5	5,25	2,75
7	90031	Vũ Thị Thanh	Hiền	30/07/2011	9B	6,5	6	5,5
8	90032	Nguyễn Hoàng Trung	Hiếu	08/01/2011	9A	5	6,75	5
9	90033	Phạm Trung	Hiếu	22/10/2011	9B	2,5	2,25	3,5
10	90034	Diễn Thu	Hoài	25/05/2011	9A	5,5	6,5	4,5
11	90035	Ta Ngọc	Hoàn	05/12/2011	9A	2,75	5	3,25
12	90036	Lê Quang	Huy	22/02/2011	9B	3,5	4,25	2
13	90037	Nguyễn Tấn	Huy	10/08/2011	9B	6,25	5	3,75
14	90038	Vũ Đức Gia	Huy	06/09/2011	9B	7	7,25	8,5
15	90039	Vũ Thái	Hưng	27/07/2011	9B	7,25	7,5	6,5
16	90040	Ninh Thu	Hương	06/11/2011	9A	3,5	3,5	5
17	90041	Hoàng Văn	Khánh	05/05/2011	9A	9	8,5	10
18	90042	Nguyễn Đình	Khải	19/08/2011	9A	2,5	5	3,25
19	90043	Nguyễn Minh	Khải	09/04/2011	9A	6	4,5	4,75
20	90044	Đình Diệu	Linh	10/04/2011	9A	4,75	7	6
21	90045	Nguyễn Diệu	Linh	01/12/2011	9A	4,25	4,5	4
22	90046	Nguyễn Ngọc	Linh	17/06/2011	9A	5,75	5	5,5
23	90047	Phạm Khánh	Linh	31/10/2011	9B	5	6,25	7,75
24	90048	Cao Phi	Long	22/05/2011	9B	7,25	7,5	9,25

Số thí sinh trong phòng khảo sát 24 học sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG KS, ĐGCLGD
LẦN THỨ NHẤT NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG THCS QUẢNG SƠN
BẢNG ĐIỂM KHẢO SÁT, ĐGCLGD LỚP 9
 Bài mìn:.....Phòng 03

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Lớp	Toán	Văn	KHTN	Ghi chú
1	90049	Vũ Đức	Mạnh	21/05/2011	9B	4	4	5
2	90050	Bùi Khánh	My	14/11/2011	9B	5,75	7,25	7,75
3	90051	Nguyễn Thị Trà	My	01/11/2011	9B	6,5	7,25	5,75
4	90052	Vũ Hà	My	19/02/2011	9B	6,25	8	6,75
5	90053	Sài Thanh	Nga	30/03/2011	9B	7	7,75	8,25
6	90054	Đỗ Mạnh	Ngà	03/03/2011	9B	0,25	2,75	3
7	90055	Nguyễn Chính	Nghĩa	01/06/2011	9A	4,75	3,75	2,75
8	90056	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	31/07/2011	9B	4,5	5,75	7,75
9	90057	Trần Trọng	Nghĩa	21/10/2011	9A	3,5	5	5
10	90058	Hồ Hoàng	Ngọc	25/08/2011	9A	4,5	5	5,5
11	90059	Trần Bảo	Ngọc	10/08/2011	9A	7,75	8,25	5,5
12	90060	Trần Minh	Ngọc	23/03/2011	9A	7	8,25	7
13	90061	Vũ Bảo	Ngọc	23/05/2011	9A	6,5	7,5	6
14	90062	Phạm Xuân Minh	Nguyệt	19/10/2011	9B	5,75	8,25	6,5
15	90063	Nguyễn Thị Yên	Nhi	16/02/2011	9A	6	7,75	8,25
16	90064	Nguyễn Yên	Nhi	15/04/2011	9B	7,5	8	6,75
17	90065	Hoàng Trung	Phong	17/04/2011	9A	3	2,5	3,5
18	90066	Phạm Ngọc Gia	Phong	05/06/2011	9B	3,25	3	3,25
19	90067	Nguyễn Vinh	Phú	01/06/2011	9A	1,25	4,5	3,5
20	90068	Ninh Vinh	Phú	08/11/2011	9A	3,25	3,5	2,75
21	90069	Lê Quý	Phương	25/10/2011	9B	4,25	3,75	3,5
22	90070	Nguyễn Minh	Phương	16/01/2011	9B	2,5	5	4,25
23	90071	Phạm Mai	Phương	14/03/2011	9A	6,25	7,5	8,25
24	90072	Phạm T. Thu	Phương	19/07/2011	9A	3,75	6,75	5,75

Số thí sinh trong phòng khảo sát 24 học sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG KS, ĐGCLGD
LẦN THỨ NHẤT NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG THCS QUẢNG SƠN
BẢNG ĐIỂM KHẢO SÁT, ĐGCLGD LỚP 9
 Bài mìn:.....Phòng 04

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Lớp	Toán	Văn	KHTN	Ghi chú
1	90073	Mai Đức	Quang	31/08/2011	9B	1,75	6,25	6,75
2	90074	Bùi Bảo	Tâm	03/12/2011	9B	3,5	6,25	5,75
3	90075	Nguyễn Sinh	Thạch	21/03/2011	9B	0,75	5	3,25
4	90076	Nguyễn Duy	Thái	15/06/2011	9B	2,75	2,75	5,75
5	90077	Phạm Minh	Thành	16/09/2011	9B	5,25	3,25	7
6	90078	Phạm Thị Thanh	Thào	04/09/2011	9A	4,25	8	6,75
7	90079	Nguyễn Minh	Thu	18/08/2011	9B	5,25	6,5	6
8	90080	Ta Hoài	Thương	18/10/2011	9B			
9	90081	Trần Ngọc	Tiến	17/04/2011	9A	2	6,25	6,25
10	90082	Bùi Huyền	Trang	01/10/2011	9A	5,25	8	7,25
11	90083	Đỗ Thị Huyền	Trang	28/02/2011	9A	3,5	5,75	4,5
12	90084	Phạm Anh	Tú	02/01/2011	9B	5,25	5,25	8
13	90085	Bùi Anh	Tuấn	26/01/2011	9A	1	3,5	5,25
14	90086	Nguyễn Mạnh Thái Minh	Tuế	20/09/2011	9B	6,25	7,25	7
15	90087	Vũ Mạnh	Tuyền	05/08/2011	9A	1	0,5	4
16	90088	Trịnh Trần Phi	Yến	12/03/2011	9B	5	8	7,75

Số thí sinh trong phòng khảo sát 16 học sinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS QUANG SƠN
KÌ THI KHOA SẮT ĐỎ CL. GD HỌC SINH LỚP 9
Phòng 01
Khóa ngày: 30/12/2025

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
						Totn	Văn	KHTN	
1	90001	Bùi Bảo	An	Nam	28/06/2011	9B			
2	90002	Bùi Thu	An	Nữ	04/04/2011	9A			
3	90003	Đinh Bảo	An	Nữ	02/12/2011	9A			
4	90004	Hồ Hà	Anh	Nam	21/03/2011	9A			
5	90005	Lê Việt	Anh	Nam	14/10/2011	9A			
6	90006	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	10/07/2011	9A			
7	90007	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	30/01/2011	9B			
8	90008	Nguyễn Trường	Anh	Nam	03/11/2011	9A			
9	90009	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	03/02/2011	9A			
10	90010	Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	09/07/2011	9A			
11	90011	Vũ Hoàng	Anh	Nam	18/10/2011	9A			
12	90012	Vũ Hoàng	Anh	Nam	22/02/2011	9B			
13	90013	Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	07/06/2011	9B			
14	90014	Phạm Xuân	Bích	Nam	22/03/2011	9B			
15	90015	Đinh Trần桂	Bào	Nam	22/09/2011	9A			
16	90016	Trần Ngọc	Bích	Nữ	09/11/2011	9A			
17	90017	Phạm Thanh	Cao	Nam	09/05/2011	9B			
18	90018	Hoàng Ngọc	Điệp	Nữ	12/10/2011	9B			
19	90019	Đào Tấn	Đông	Nam	22/10/2011	9A			
20	90020	Nguyễn Tiến	Đông	Nam	03/01/2011	9B			
21	90021	Nguyễn Phạm	Đuy	Nam	19/10/2011	9B			
22	90022	Nguyễn Thành	Đuy	Nam	28/06/2011	9A			
23	90023	Phạm Linh	Đun	Nữ	23/04/2011	9A			
24	90024	Nguyễn Văn	Đức	Nam	16/12/2011	9B			

Danh sách này có 24 học sinh.
Ngày 03 tháng 12 Năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS QUANG SƠN
KÌ THI KHOA SẮT ĐỎ CL. GD HỌC SINH LỚP 9
Phòng 02
Khóa ngày: 30/12/2025

TỔNG ĐỐC HƯNG
BẢNG GHI TÊN DỰ THỊ

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
						Totn	Văn	KHTN	
1	90025	Vũ Trọng	Đức	Nam	19/11/2011	9A			
2	90026	Phạm Hồng	Hà	Nữ	24/06/2011	9B			
3	90027	Hồ Thanh	Hà	Nam	29/09/2011	9B			
4	90028	Trần Hồng	Hành	Nữ	10/10/2011	9A			
5	90029	Lưu Quốc	Hào	Nam	14/12/2011	9B			
6	90030	Tạ Thị Minh	Hằng	Nữ	17/04/2011	9B			
7	90031	Vũ Thị Thanh	Hiếu	Nữ	30/07/2011	9B			
8	90032	Nguyễn Hoàng Trung	Hiếu	Nam	08/01/2011	9A			
9	90033	Phạm Trung	Hiếu	Nam	22/10/2011	9B			
10	90034	Bùi Thu	Hoài	Nữ	24/05/2011	9A			
11	90035	Tạ Ngọc	Hoàn	Nam	05/12/2011	9A			
12	90036	Lê Quang	Huy	Nam	22/02/2011	9B			
13	90037	Nguyễn Tiến	Huy	Nam	10/08/2011	9B			
14	90038	Vũ Đức Gia	Huy	Nam	06/09/2011	9B			
15	90039	Vũ Thái	Hưng	Nam	27/07/2011	9B			
16	90040	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	06/11/2011	9A			
17	90041	Hoàng Văn	Khai	Nữ	05/05/2011	9A			
18	90042	Nguyễn Đăng	Khai	Nam	19/08/2011	9A			
19	90043	Nguyễn Minh	Khai	Nam	09/04/2011	9A			
20	90044	Đinh Đức	Linh	Nữ	10/08/2011	9A			
21	90045	Nguyễn Hữu	Linh	Nữ	01/12/2011	9A			
22	90046	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	17/06/2011	9A			
23	90047	Phạm Khánh	Linh	Nữ	31/10/2011	9B			
24	90048	Cao Phi	Long	Nam	22/05/2011	9B			

Danh sách này có 24 học sinh.
Ngày 03 tháng 12 Năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS QUANG SƠN
KÌ THI KHOA SẮT ĐỎ CL. GD HỌC SINH LỚP 9
Phòng 03
Khóa ngày: 30/12/2025

TỔNG ĐỐC HƯNG
BẢNG GHI TÊN DỰ THỊ

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
						Totn	Văn	KHTN	
1	90049	Vũ Đức	Minh	Nam	21/05/2011	9B			
2	90050	Bùi Khánh	My	Nữ	14/11/2011	9B			
3	90051	Nguyễn Thị Thu	My	Nữ	01/11/2011	9B			
4	90052	Vũ Hà	My	Nữ	19/02/2011	9B			
5	90053	Sau Thanh	Nga	Nữ	30/03/2011	9B			
6	90054	Hồ Minh	Nga	Nữ	03/03/2011	9B			
7	90055	Nguyễn Chính	Nghĩa	Nam	01/06/2011	9A			
8	90056	Nguyễn Hữu	Nghĩa	Nam	31/07/2011	9B			
9	90057	Trần Trọng	Nghĩa	Nam	21/10/2011	9A			
10	90058	Hồ Hoàng	Ngọc	Nữ	24/08/2011	9A			
11	90059	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	10/08/2011	9A			
12	90060	Trần Minh	Ngọc	Nữ	22/03/2011	9A			
13	90061	Vũ Bảo	Ngọc	Nữ	23/05/2011	9A			
14	90062	Phạm Xuân Minh	Nguyệt	Nữ	19/10/2011	9B			
15	90063	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	16/02/2011	9A			
16	90064	Nguyễn Văn	Nhi	Nữ	15/04/2011	9B			
17	90065	Hoàng Trung	Phong	Nam	17/04/2011	9A			
18	90066	Phạm Ngọc桂	Phong	Nam	05/06/2011	9B			
19	90067	Nguyễn Văn	Phi	Nam	01/06/2011	9A			
20	90068	Nguyễn Văn	Phi	Nam	08/11/2011	9A			
21	90069	Lê Quý	Phong	Nam	25/10/2011	9B			
22	90070	Nguyễn Minh	Phong	Nam	16/01/2011	9B			
23	90071	Phạm Mai	Phong	Nữ	14/03/2011	9A			
24	90072	Phạm T. Thu	Phong	Nữ	19/07/2011	9A			

Danh sách này có 24 học sinh.
Ngày 03 tháng 12 Năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS QUANG SƠN
KÌ THI KHOA SẮT ĐỎ CL. GD HỌC SINH LỚP 9
Phòng 04
Khóa ngày: 30/12/2025

TỔNG ĐỐC HƯNG
BẢNG GHI TÊN DỰ THỊ

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Môn thi			Ghi chú
						Totn	Văn	KHTN	
1	90073	Mai Đức	Quang	Nam	31/08/2011	9B			
2	90074	Bùi Bảo	Tiến	Nữ	03/12/2011	9B			
3	90075	Nguyễn Sinh	Thao	Nam	21/03/2011	9B			
4	90076	Nguyễn Duy	Thái	Nam	15/06/2011	9B			
5	90077	Phạm Minh	Thành	Nam	16/09/2011	9B			
6	90078	Phạm Thu Thanh	Thao	Nữ	04/09/2011	9A			
7	90079	Nguyễn Minh	Thị	Nữ	18/08/2011	9B			
8	90080	Tạ Hoài	Thương	Nữ	18/10/2011	9B			
9	90081	Trần Ngọc	Tiên	Nam	17/04/2011	9A			
10	90082	Bùi Huyền	Trang	Nữ	01/10/2011	9A			
11	90083	Hồ Thị Huyền	Trang	Nữ	28/02/2011	9A			
12	90084	Phạm Anh	Ti	Nam	02/01/2011	9B			
13	90085	Bùi Anh	Tuấn	Nam	26/01/2011	9A			
14	90086	Nguyễn Mạnh Thái Minh	Tuệ	Nam	20/09/2011	9B			
15	90087	Vũ Minh	Tuyên	Nam	05/08/2011	9A			
16	90088	Trần Trần Phi	Yến	Nữ	12/03/2011	9B			

Danh sách này có 16 học sinh.
Ngày 03 tháng 12 Năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

TỔNG ĐỐC HƯNG